

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
VĂN PHÒNG

Số: 578 /VP-CTTĐT

V/v tổng hợp ý kiến nhân dân đối với dự thảo Quyết định quy định việc thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 486/SNN-QBVPTR ngày 13/02/2023 về việc đăng tải dự thảo Quyết định quy định việc thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cùng tài liệu kèm theo);

Văn phòng UBND tỉnh đã đăng tải toàn bộ hồ sơ dự thảo Quyết định về nội dung trên lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân từ ngày 14/02/2023 đến hết ngày 15/3/2023.

Sau thời gian đăng tải, Văn phòng UBND tỉnh xác định không nhận được ý kiến góp ý trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh đối với Hồ sơ dự thảo nêu trên.

Văn phòng UBND tỉnh thông tin đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP KTN, KTNS;
- Lưu: VT, CTĐT.

TĐK

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Kim Long

Số: 486 /SNN - QBVPT

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2023

V/v đăng tải dự thảo Quyết định quy định việc thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020(gọi tắt là Luật sửa đổi).

Theo quy định của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP một số nội dung thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) được giao cho UBND tỉnh quyết định cụ thể:

1.Đối với mức điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng được quy định tại điểm a, khoản 1, Mục II, Phụ lục VII của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP: *“Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tùy theo đối tượng trên cùng địa bàn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức điều tiết phù hợp”*

2. Việc áp dụng hệ số K được quy định tại điểm c, khoản 2, Mục II, Phụ lục VII của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và hệ số K được quy định tại khoản 2 Mục II Phụ lục này, quy định, hướng dẫn áp dụng các hệ số K thành phần trên địa bàn tỉnh”* .

3. Thời gian chi trả được quy định tại khoản 2 Điều 1 Mẫu số 01 Phụ lục VI của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định thời gian chi trả *“Từ ngày 01/01/2011 (đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng hoạt động sau ngày 01/01/2011 thời điểm chi trả được tính từ ngày có hoạt động sản xuất kinh doanh)”*. Việc áp dụng thời gian chi trả trên chỉ áp dụng đối với các loại hình dịch vụ môi trường rừng đã được triển khai tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tuy nhiên, đối với loại hình sử dụng nước phục vụ sản xuất công nghiệp bắt đầu áp dụng từ ngày 01/01/2019 khi Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP có hiệu lực. Do đó, cần có quy định thời gian cụ thể cho các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng để đảm bảo việc tổ chức thực hiện và đúng quy định của pháp luật.

4. Tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng được quy định tại khoản 1 điều 71 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP *“Căn cứ kế hoạch thu, chi được phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng và chi cho các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ*